

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NOVA



QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 202 ngày 26 tháng 11 năm 2016
của Hội đồng Quản trị)

TP HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2016



NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA
(V/v ban hành Quy chế Quản trị Công ty)

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006;
- Luật Chứng khoán Sửa đổi Bổ sung số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Thông tư 121/2012/TT-BTC được Bộ Tài chính thông qua ngày 26/07/2012 quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va;
- Biên bản họp Hội đồng Quản trị số.... ngày 26 tháng 11 năm 2016;

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Nghị quyết này là "Quy chế Quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va"
- Điều 2:** Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3:** Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban, các Chi nhánh trực thuộc Công ty, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BTGD (để thực hiện);
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BUI THÀNH NHƠN

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
Điều 3. Quyền của cổ đông	2
Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn	2
Điều 5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	3
Điều 6. Ghi và lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ...	4
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	5
CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
Điều 9. Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng Quản trị	5
Điều 10. Tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị	5
Điều 11. Thành phần Hội đồng Quản trị	6
Điều 12. Quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị	6
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng Quản trị	6
Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	6
Điều 15. Hợp Hội đồng Quản trị	7
Điều 16. Thủ lao của Hội đồng Quản trị	8
Điều 17. Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty	8
Điều 18. Các Tiểu ban của HĐQT	8
Điều 19. Thư ký Công ty	8
Điều 20. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập	9
CHƯƠNG IV: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 21. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát	9
Điều 22. Tư cách Thành viên Ban Kiểm soát	9
Điều 23. Thành phần Ban Kiểm soát	9
Điều 24. Quyền tiếp cận thông tin của Thành viên Ban Kiểm soát	9
Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	10
Điều 26. Thủ lao của Ban Kiểm soát	10
CHƯƠNG V: ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	10
Điều 27. Đào tạo về quản trị Công ty	10
CHƯƠNG VI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	10
Điều 28. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ Quản lý khác	10
Điều 29. Giao dịch với Người có liên quan	11
Điều 30. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty	11
CHƯƠNG VII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	11
Điều 31. Nghĩa vụ công bố thông tin	11
Điều 32. Công bố thông tin về quản trị Công ty	12
Điều 33. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Tổng Giám đốc	12
CHƯƠNG VIII: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	12
Điều 34. Giám sát	12
Điều 35. Xử lý vi phạm	12
CHƯƠNG IX: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY	12
Điều 36. Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty	12
CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	12
Điều 37. Điều khoản thi hành	12

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế Quản trị Công ty áp dụng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (sau đây gọi tắt là "Công ty"). Quy chế này được xây dựng theo quy định của:
 - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
 - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
 - Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 về việc ban hành Quy chế Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
 - Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về Quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Cán bộ Quản lý khác của Công ty.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện Quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va.
4. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của pháp luật và Quy chế này hoặc văn bản khác của Công ty thì thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Quản trị Công ty": là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:
 - Tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông;
 - Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Đảm bảo vai trò, trách nhiệm của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
 - Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
 - Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
 - b. "Công ty": là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va có trụ sở 313B - 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, TP HCM.
 - c. "Hội đồng Quản trị ("HĐQT")": là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ").
 - d. "Ban Tổng Giám đốc ("BTGD")": bao gồm Tổng Giám đốc ("TGD") và các Phó Tổng Giám đốc ("PTGD") của Công ty;
 - e. "Ban Kiểm soát ("BKS")": là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát HĐQT, BTGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.
 - f. "Cán bộ Quản lý": bao gồm BTGD, Kế toán trưởng ("KTT") và các vị trí Quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn.

- g. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;
- h. “Người nổi bật”: là các cá nhân được định nghĩa theo Khoản 5 Điều 2 Thông tư 155;
- i. Thành viên HĐQT độc lập: là Thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện sau:
 - Thành viên HĐQT không điều hành và không phải là người có liên quan với TGD, PTGD, KTT và những Cán bộ Quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm;
 - Không phải là Thành viên HĐQT, TGD, PTGD của các Công ty Con, Công ty Liên kết và các Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát;
 - Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Công ty;
 - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong hai (02) năm gần nhất;
 - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên Tổng doanh thu hoặc Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Công ty trong hai (02) năm gần nhất.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:
 - a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ;
 - b) Quyền được đối xử công bằng: Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua;
 - c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;
 - d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - e) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công ty, HĐQT, BTGD, BKS phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Công ty thực hiện công bố thông tin trên Website Công ty về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:
 - a) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
 - b) Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ;
 - c) Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;
 - d) Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - e) Cách thức biểu quyết, thông báo kết quả biểu quyết;
 - f) Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ;
 - g) Lập biên bản họp ĐHĐCĐ;
 - h) Thông báo quyết định ĐHĐCĐ ra công chúng;
 - i) Các vấn đề khác.
2. Công ty có trách nhiệm thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ ít nhất năm (05) ngày trước ngày chốt danh sách.
3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (trong trường hợp Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) và trên Website của Công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
 Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên Website của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ Website để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ:
 - 4.1 Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự ĐHĐCĐ theo cách thức sau: Gửi Giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ (theo mẫu đính kèm trong Thông báo mời họp hoặc trên Website của Công ty) thông qua các hình thức thư điện tử hoặc thư gửi qua bưu điện;
 - 4.2 Nếu cổ đông không thể tham dự ĐHĐCĐ thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đăng trên Website của Công ty hoặc được đính kèm thông báo mời họp;
 Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền (bản gốc) cho Công ty trước khi vào phòng họp;
 - 4.3 Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho các cổ đông có quyền dự họp có mặt;
 - 4.4 Cổ đông đến tham dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
5. Cách thức biểu quyết, thông báo kết quả biểu quyết:
 - 5.1 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng đại biểu một thẻ biểu quyết. Tất cả đại biểu đã làm thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình ĐHĐCĐ;
 Đối với những vấn đề đặc biệt và nếu có số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) cổ phần có quyền biểu quyết yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu biểu quyết. Yêu cầu này phải được gửi bằng văn bản đến Công ty tối thiểu ba (03) ngày trước ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ;

- 5.2 Cách thức biểu quyết: Khi biểu quyết thông qua nội dung các vấn đề liên quan, đại biểu tham dự ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết;
- 5.3 Cách thức kiểm thẻ biểu quyết: Khi tiến hành biểu quyết tại ĐHĐCĐ, số thẻ tán thành được thu trước, số thẻ không tán thành được thu sau. Cuối cùng đếm tổng số phiếu biểu quyết tán thành hay không tán thành để quyết định;
- 5.4 Thông báo kết quả biểu quyết: Kết quả biểu quyết từng vấn đề làm việc của ĐHĐCĐ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc ĐHĐCĐ;
- 5.5 Việc biểu quyết bầu Thành viên HĐQT, BKS, Công ty được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với nguyên tắc thực hiện như sau:
Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một (01) hoặc một số ứng cử viên;
Người trúng cử Thành viên HĐQT hoặc Thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên cần bầu cuối cùng, ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử (nếu có).
6. HĐQT hoặc người triệu tập ĐHĐCĐ sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ.
7. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến.
8. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
9. Việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật doanh nghiệp.

Điều 6. Ghi và lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến ĐHĐCĐ, dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ. Dự thảo Nghị quyết và biên bản họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc.
2. Chủ tọa và Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp.
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ, danh sách cổ đông đăng ký tham dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết thông qua tại ĐHĐCĐ, các tài liệu gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.
4. Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên Website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, gửi cho các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày sau khi cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng Thành viên HĐQT;
- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- Kết quả giám sát đối với hoạt động của BTGD;
- Kết quả giám sát đối với các Cán bộ Quản lý khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của BKS và từng Thành viên BKS;
- Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với Thành viên HĐQT, BTGD và các Cán bộ Quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BTGD và cổ đông.

CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp ĐHĐCĐ trên Website Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:
 - Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên HĐQT và các chức danh Quản lý khác;
 - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
2. Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên HĐQT.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Việc đề cử ứng viên HĐQT mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu Thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 10. Tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên HĐQT là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm Thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công ty, Thành viên HĐQT hạn chế nắm giữ kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của Công ty.
3. Thành viên HĐQT của Công ty không được đồng thời là Thành viên HĐQT trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là Thành viên HĐQT của các Công ty trong cùng Tập đoàn Novaland hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.
4. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức TGD trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ thường niên.
5. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu Thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 11. Thành phần Hội đồng Quản trị

1. Công ty phải có ít nhất năm (05) Thành viên HĐQT và tối đa mười một (11) Thành viên HĐQT.
2. Tổng số Thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số Thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu Thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
3. Trong trường hợp một Thành viên bị mất tư cách Thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm Thành viên HĐQT, HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc bầu mới Thành viên HĐQT thay thế phải được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất.

Điều 12. Quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và Công ty.
3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
4. Thành viên HĐQT có trách nhiệm công bố cho Công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
5. Các Thành viên HĐQT và những Người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
6. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các Thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của Thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.
2. HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.
3. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
4. HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên HĐQT và trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên HĐQT:
 - Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT;
 - Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí Thành viên HĐQT của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Cách thức bầu Thành viên HĐQT;
 - Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm Thành viên HĐQT;
 - Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT.

144
 G T
 H A I
 N D A
 O C
 V A
 H O C

- b) Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT:
- Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những Thành viên HĐQT không thể dự họp);
 - Điều kiện tổ chức họp HĐQT;
 - Cách thức biểu quyết;
 - Cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT;
 - Ghi biên bản họp HĐQT;
 - Thông báo Nghị quyết HĐQT.
5. HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Cán bộ Quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS và Ban TGD điều hành, gồm các nội dung chính sau đây:
- a) Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Cán bộ Quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty:
- Các tiêu chuẩn để lựa chọn Cán bộ Quản lý;
 - Việc bổ nhiệm Cán bộ Quản lý;
 - Ký hợp đồng lao động với Cán bộ Quản lý;
 - Các trường hợp miễn nhiệm Cán bộ Quản lý;
 - Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Cán bộ Quản lý.
- b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và BTGD:
- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và BTGD;
 - Thông báo Nghị quyết của HĐQT cho BTGD và BKS;
 - Các trường hợp BTGD và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT;
 - Báo cáo của BTGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
 - Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với BTGD;
 - Các vấn đề BTGD phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT và BKS;
 - Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các Thành viên HĐQT, Thành viên BTGD và Thành viên BKS theo các nhiệm vụ cụ thể của các Thành viên nêu trên.
6. HĐQT có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên HĐQT, Thành viên BTGD và các Cán bộ Quản lý khác.
7. HĐQT có trách nhiệm báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Điều 15. Hợp Hội đồng Quản trị

1. HĐQT tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các Thành viên HĐQT theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Thành viên HĐQT tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Thù lao của Hội đồng Quản trị

1. Thù lao của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.
2. Trường hợp Thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty và các Công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.
3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Công ty thanh toán, cấp cho từng Thành viên HĐQT được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 17. Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Quy chế nội bộ không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ phải được Công ty công bố trên Website của Công ty. Quy chế nội bộ bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ;
 - b) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên HĐQT;
 - c) Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT;
 - d) Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Cán bộ Quản lý;
 - e) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và BTGD;
 - f) Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên HĐQT, Thành viên BTGD, Thành viên BKS và các cán bộ quản lý khác;
 - g) Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT.

Điều 18. Các Tiểu ban của HĐQT

1. HĐQT cần thành lập các Tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Lương thưởng và các Tiểu ban đặc biệt khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
2. Tiểu ban Nhân sự và Tiểu ban Lương thưởng phải có ít nhất một (01) Thành viên HĐQT độc lập làm Trưởng ban.
3. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng Thành viên.
4. Trường hợp Công ty không thành lập các Tiểu ban thì HĐQT cử Thành viên HĐQT độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự...

Điều 19. Thư ký Công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một (01) hay nhiều Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.
2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
 - Chuẩn bị các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Tham dự các cuộc họp;
 - Đảm bảo các Nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho Thành viên HĐQT và Thành viên BKS;
 - Hỗ trợ Thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

CHƯƠNG IV: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử Thành viên BKS được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử Thành viên HĐQT được quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 9 Quy chế này.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử của BKS đương nhiệm được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

BKS có quyền xây dựng quy chế hoạt động phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Tư cách Thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên BKS là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm Thành viên BKS. Thành viên BKS phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên BKS có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là Thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.
3. Thành viên BKS không phải là Người có liên quan với các Thành viên HĐQT, BTGD và các Cán bộ Quản lý khác của Công ty.

Điều 23. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Thành viên BKS ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Kiểm soát viên của Công ty là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
2. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 24. Quyền tiếp cận thông tin của Thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên BKS có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT, BTGD và Cán bộ Quản lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các Thành viên BKS.
2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ Thành viên BKS hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của Thành viên HĐQT, BTGD, Cán bộ Quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BTGD và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.
2. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một (01) năm, số lượng Thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Thành viên BKS.
3. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Thành viên HĐQT, Ban TGD, Thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Thành viên BKS quan tâm.
4. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các Thành viên HĐQT, BTGD và các Cán bộ Quản lý khác, BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, BKS có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.
5. BKS có quyền lựa chọn và đề nghị ĐHCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.
6. BKS chịu trách nhiệm báo cáo tại ĐHCĐ theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 26. Thù lao của Ban Kiểm soát

Hàng năm các Thành viên BKS được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của BKS. Thù lao cho các Thành viên BKS được ĐHCĐ thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng Thành viên BKS được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và cho các cổ đông.

CHƯƠNG V: ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 27. Đào tạo về quản trị Công ty

Thành viên HĐQT, Thành viên BTGD, Thành viên BKS, Thư ký Công ty của Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

CHƯƠNG VI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 28. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Cán bộ Quản lý khác

1. Thành viên HĐQT, BTGD, BKS và Cán bộ Quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên HĐQT, BTGD, BKS, Cán bộ Quản lý khác và những Người liên quan tới các Thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, BTGD, BKS và Cán bộ Quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính Thành viên đó hoặc với những Người có liên quan tới Thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết ĐHCĐ hoặc Nghị quyết HĐQT

thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên Website Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Thành viên HĐQT, BTGD, BKS, Cán bộ Quản lý khác và những Người có liên quan tới Thành viên nêu trên, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.
5. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà Thành viên đó hoặc Người có liên quan đến Thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của Thành viên HĐQT đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.
6. Các Thành viên HĐQT, BTGD, BKS, Cán bộ Quản lý khác và những Người có liên quan tới các Thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 29. Giao dịch với Người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những Người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những Người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của Công ty hay lũng đoạn giá cả.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những Người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những Người có liên quan.

Điều 30. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;
 - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, BTGD và BKS.
3. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng và trách nhiệm xã hội của Công ty.

CHƯƠNG VII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 31. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 32. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ ĐHCĐ thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, Công ty có nghĩa vụ phải đăng tải các báo cáo tình hình quản trị Công ty này trên Website của Công ty.

Điều 33. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Kiểm soát, Người nội bộ và Người có liên quan

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 28 của Quy chế này, Thành viên HĐQT, Thành viên BTGD, Thành viên BKS, Người nội bộ và Người có liên quan có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 155 và về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty mà các Thành viên nêu trên là Thành viên sáng lập hoặc là Thành viên HĐQT, Thành viên BTGD trong thời gian ba (03) năm trước.
2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó Người có liên quan của các Thành viên nêu trên là Thành viên HĐQT, Thành viên BTGD hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các Thành viên nêu trên.

CHƯƠNG VIII: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 34. Giám sát

Công ty, cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Xử lý vi phạm

Công ty, cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty phải được HĐQT thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Điều khoản thi hành

Các Thành viên HĐQT, BTGD, BKS, các cổ đông và Cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.



Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cá nhân báo cáo bằng văn bản lên HĐQT Công ty xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

eric

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *[Signature]*



[Signature]
BUI THÀNH NHƠN